

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ

NHỮNG PHƯƠNG THỨC ĐỊNH DANH QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VÀ HUYỆN ĐIỆN BIÊN

TRẦN THỊ PHƯƠNG HẰNG
(Cao học NN K15, ĐHSP Thái Nguyên)

1. Khái quát về sự điều tra phân loại địa danh ở thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên

1.1 Địa lí - tự nhiên của thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên

Vị trí địa lí:

Thành phố Điện Biên Phủ được thành lập ngày 26/09/2003, nằm ở phía Tây Bắc Tổ quốc, trong vùng lòng chảo Mường Thanh, phía Đông giáp huyện Điện Biên Đông (tỉnh Điện Biên), phía Tây, phía Nam, phía Bắc đều giáp huyện Điện Biên (tỉnh Điện Biên); diện tích tự nhiên là 6.009,05 ha và gồm 8 đơn vị hành chính với 7 phường và 1 xã.

Huyện Điện Biên được thành lập từ năm 1945 khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời và đã trải qua nhiều lần điều chỉnh địa giới. Ngày nay huyện Điện Biên có vị trí: phía Bắc giáp huyện Mường Chà và huyện Tuần Giáo (tỉnh Điện Biên), phía Đông giáp huyện Điện Biên Đông (tỉnh Điện Biên) và huyện Sốp Cộp (tỉnh Sơn La), phía Tây và phía Nam giáp Lào; có diện tích tự nhiên là 163.985 ha và gồm 19 đơn vị hành chính trực thuộc ở cấp xã.

Điều kiện tự nhiên:

Cấu trúc địa hình thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên mang một số đặc điểm nổi bật của địa hình toàn tỉnh: núi thấp dần và đồ dốc xuống các sông và suối lớn, hoặc xen kẽ với các thung lũng sông, khe suối. Lọt vào giữa các dãy núi có rất nhiều dải trũng bằng phẳng tạo thành những cánh đồng hẹp kéo dài. Các dãy núi phía Tây là bộ phận kéo dài của hệ thống Bắc Lào, cùng hướng với sự sắp xếp của các sông suối trong vùng này thường có hướng Bắc - Nam hoặc Tây Bắc - Đông Nam.

Thành phố Điện Biên Phủ nằm trong vùng lòng chảo, là vùng có địa hình tương đối bằng phẳng, ít bị chia cắt, độ dốc nhỏ dưới 15 độ, độ cao hơn 400 m so với mặt nước biển. Đặc biệt có cánh đồng Mường Thanh với diện tích trên 4000 ha, là cánh đồng rộng nhất vùng Tây Bắc (nhất Thanh, nhì Lò, tam Than, tứ Tắc).

Địa hình của huyện Điện Biên bao gồm cả vùng thấp là một phần của vùng lòng chảo và vùng núi cao (còn gọi là vùng ngoài). Vùng thấp chiếm 21% diện tích toàn huyện còn vùng núi cao chiếm 79% diện tích toàn huyện với độ cao từ 1000 m trở lên trong đó đỉnh cao nhất là Pú Pha Sung.

Thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên có mạng lưới sông suối chằng chịt, mang tính chất đầu nguồn điển hình, dốc hẹp, quanh co, nhiều thác ghềnh. Các sông suối ở đây đều nằm trong ba hệ thống sông chính của nước ta là: sông Hồng, sông Mã và sông Mê Công. Thành phố Điện Biên Phủ có sông Nậm Rốm chảy qua và một số suối nhỏ hẹp, còn huyện Điện Biên có các sông Nậm Rốm, Nậm Núa, Nậm Mực, sông Mã chảy qua và rất nhiều suối lớn, nhỏ khác.

Ngoài ra hai địa bàn này còn có một hệ thống hồ chứa nước lớn, những hồ đó là nguồn trữ nước của công trình thủy lợi Nậm Rốm, cung cấp nước tưới cho toàn bộ đồng ruộng vùng lòng chảo, nuôi hải sản, bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó có hồ là điểm tham quan, du lịch sinh thái nổi tiếng và hấp dẫn của Điện Biên.

1.2. Kết quả điều tra, phân loại địa danh

Qua điều tra địa danh ở thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên chúng tôi đã thu thập được 1004 địa danh. Cụ thể là:

ST T	Các loại địa danh	Số lượng
I	Địa danh khu dân cư (Địa danh hành chính)	624
1	Thành phố	1
2	Huyện	1
3	Phường	7
4	Xã	20
5	Mường	5
6	Tổ dân phố	131
7	Bản	404
8	Thôn	45
9	Đội	10
II	Địa danh địa hình tự nhiên (Địa danh tự nhiên)	237
1	Sơn danh	78
2	Thủy danh	149
3	Những vùng đất phi dân cư	10
III	Địa danh liên quan đến các công trình xây dựng nhân tạo (Địa danh nhân văn)	143
1	Địa danh các công trình xây dựng thuộc những hoạt động vật chất kỹ thuật của con người	97
2	Địa danh các công trình xây dựng thuộc những hoạt động tâm linh của con người	46
Tổng		1004

2. Các phương thức định danh

2.1. Khái niệm về phương thức định danh

Phương thức định danh hiểu đơn giản là nguyên tắc đặt tên. Chính phương thức định danh cho phép địa danh ghi nhận những ý nghĩa sinh động, phong phú, độc đáo.

Theo *Từ điển tiếng Việt* [6], “phương thức là cách thức và phương pháp (nói tổng quát)” trong đó “cách thức” là hình thức diễn ra một hành động” còn “phương pháp” là hệ thống các cách sử dụng để tiến hành một hành động nào đó. Từ đó, có thể quan niệm “phương thức định danh” là phương pháp đặt tên cho một đối tượng nào đó. Đây là một khái niệm mang tính chất tổng thể, vừa thể hiện cách thức vừa thể hiện phương pháp trong quá trình chọn lựa, sắp xếp để đặt tên cho địa danh.

Việc xác định nguồn gốc và ý nghĩa của các yếu tố trong địa danh là để trả lời cho câu hỏi: người ta dựa vào đâu để định danh, định danh bằng phương pháp nào, cách thức ra sao; chính là tìm hiểu phương thức định danh địa danh đó. Do vậy phương thức định danh và ý nghĩa của các yếu tố cấu tạo địa danh gắn bó chặt chẽ. Theo Từ

Thu Mai: “Phương thức định danh luôn sử dụng các yếu tố có nghĩa để định danh cho đối tượng địa lí một cách phù hợp với đặc điểm, tính chất, mối quan hệ của đối tượng và nguyện vọng, tâm lí của người định danh. Ngược lại, nhờ các phương thức định danh mà ý nghĩa và ý nghĩa của các yếu tố cấu tạo được thể hiện rõ qua từng địa danh cũng như từng loại địa danh” [14].

Nếu như xem xét địa danh về cấu tạo hình thức giúp cho ta nhận biết được đối tượng một cách khái quát, biết đối tượng thuộc loại địa danh nào, thì việc xem xét địa danh về cấu tạo nội dung giúp cho ta biết được ý nghĩa của địa danh, lí do đặt tên địa danh cũng như những phương thức tạo nên ý nghĩa ấy.

2.2. Các phương thức định danh trong một số địa danh thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên

Về phương thức định danh nói chung và địa danh nói riêng đã có nhiều tác giả đi trước nghiên cứu. Chẳng hạn, tác giả Lê Trung Hoa [1991], đã nêu ra ba phương thức định danh, đó là: phương thức tự tạo, phương thức chuyển hóa, phương thức vay mượn. Tác giả Nguyễn Kiên Trường, [1996], cũng đưa ra ba phương thức định danh chủ yếu, đó là: phương thức ghép số và địa danh, phương thức chuyển hóa, phương thức vay mượn. Trong khi đó tác giả Từ Thu Mai, [2004], lại chỉ nêu hai phương thức chính: phương thức cấu tạo mới và phương thức chuyển hóa. Bên cạnh đó còn có nhiều ý kiến khác nhau nữa. Nhìn chung, sự phân chia về số lượng và tên gọi loại địa danh có nhiều quan niệm khác nhau, tuy nhiên khi nghiên cứu cụ thể đối với từng phương thức định danh thì các quan niệm mà các tác giả đưa ra tương đối đồng nhất.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các nhà nghiên cứu đi trước và thực tế nghiên cứu địa danh thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên, chúng tôi thấy có thể quan niệm đã sử dụng ba phương thức định danh ở đây là: phương thức cấu tạo mới, phương thức chuyển hóa và phương thức vay mượn.

2.2.1. Phương thức cấu tạo mới.

Đây là quan niệm của tác giả Từ Thu Mai, cũng tương tự như cách gọi “phương thức tự tạo” của các tác giả Lê Trung Hoa và Nguyễn Kiên Trường. “Theo tác giả này, cấu tạo mới là phương thức mà người định danh sử dụng các yếu tố ngôn

ngữ có sẵn, tạo ra một tên gọi mới theo cách của mình để định danh cho sự vật, hiện tượng”. Nói cách khác, từ những đặc điểm về hình dáng, kích thước, tính chất, màu sắc,... của chính bản thân đối tượng hoặc những đặc điểm có liên quan gián tiếp đến đối tượng như cây, con vật nuôi, tên danh nhân, các sự kiện lịch sử, tín ngưỡng dân gian... người ta sử dụng những yếu tố ngôn ngữ trong hệ thống từ vựng chung để định danh cho đối tượng. Do vậy trong tên gọi của đối tượng có thể chứa đựng cả đời sống tâm lí, tình cảm, ước vọng, tín ngưỡng..., hay những đánh giá, nhận xét của con người.

Trong quá trình nghiên cứu 1004 địa danh trong thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên, khi cố gắng đưa ra những tiêu chí cụ thể để phân nhóm địa danh, chúng tôi nhận thấy ngay trong phương thức cấu tạo mới, các địa danh cũng được định danh từ rất nhiều đặc điểm riêng độc đáo, mang đậm nét đặc trưng của một vùng đất nơi miền núi phía Bắc xa xôi của Tổ quốc. Có những địa danh mang dấu ấn riêng từ thuở khai thiên lập địa theo thần thoại, truyền thuyết, cho đến những địa danh mang dấu ấn của thời kì phong kiến, thời kì chống Pháp và cả những địa danh mới xuất hiện.

Chúng tôi chia phương thức cấu tạo mới thành 7 nhóm nhỏ như sau:

a) Loại dựa vào đặc điểm, tính chất của đối tượng để đặt tên, trong đó có:

- Địa danh được gọi theo hình dáng của đối tượng:

Đó phần lớn là những đặc điểm gắn liền với hình dáng của các đồ vật, dụng cụ. Chẳng hạn: bản Na Côm (ruộng tròn), bản Púng Khẩu (vựa thóc), núi Tầu Pung (quả bầu), v.v...

- Địa danh được gọi theo kích thước của đối tượng:

Đó là những đặc điểm về kích thước như to, nhỏ, lớn, bé, dài, hẹp, cong...

Chẳng hạn: xã Thanh Luông (Mường Thanh to lớn), Suối Lụ (nhỏ), bản Huổi Lơi (suối dài, hẹp, cong), v.v...

- Địa danh được đặt theo tính chất, mùi vị liên quan đến đối tượng:

Đây là những đặc điểm về tính chất như già, trẻ, xấu, đẹp, bình yên, trong lành, xa xăm, bằng

phẳng, mới, cũ, nhiều, ít; miêu tả mùi vị như vị mặn... Chẳng hạn: bản Đông Mệt (rừng già kín đáo), núi Pú Huôt (núi nhọn), suối Huổi Ỗn (suối nước ấm), suối Ít (suối mặn) v.v...

- Địa danh được gọi theo màu sắc của đối tượng:

Đó là những đặc điểm về màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng, trắng... Chẳng hạn: bản Khẩu Cẩm (cơm tím thẫm), thác Trắng (nước chảy trắng xóa), cầu treo Nậm Thanh (suối xanh), suối Sái Lương (cát vàng), v.v...

- Địa danh được gọi theo địa hình của đối tượng:

Đó là những đặc điểm về địa hình như hang, thác, rãnh, đèo, núi... Chẳng hạn: bản Lố (rãnh), bản Kéo (đèo), suối Thẳm (hang), suối Cánh (thác), v.v...

- Địa danh được gọi theo hoạt động, chức năng của đối tượng:

Đó là những đặc điểm về hoạt động như nhìn, đâm, chày, tràn, đập dền, gánh; về chức năng như chính, phụ... Chẳng hạn: bản Lé (nhìn), bản Phẳng (đâm), bản Chăn nuôi, suối Cáy Phặc (gà ấp), suối Húa (dằm), suối Huổi Háp (suối gánh), kênh Chính, v.v...

- Địa danh được gọi theo sự vật, hiện tượng liên quan đến đối tượng:

Chẳng hạn: bản Đán Yên (đá gân trắng), đèo Keo Lôm (đèo gió), suối Ta Tiên (mật ong đất), lễ hội Cầu mưa (cầu mưa), v.v...

- Địa danh được gọi theo loại chất liệu hay khoáng sản liên quan đến đối tượng. Đó là những đặc điểm về loại chất liệu hay khoáng sản như sắt, chì, đất, đá đen, đá lửa, đá vôi...

Chẳng hạn: bản Pha Đin (vách đất), bản Noong Chứn (ao chì), suối Hồng Lếch (khe sắt), bản Him Lếch Phay (đá lửa), v.v...

- Địa danh được gọi theo số lượng liên quan đến đối tượng:

Chẳng hạn: bản Sam Phương (ba phương), suối Huổi Hốc (suối sáu nhánh), thành Tam Vạn (ba vạn), v.v...

- Địa danh được gọi theo âm thanh liên quan đến đối tượng:

Chẳng hạn: bản Na Khénh (ruộng tiếng kêu), hồ Hồng Khénh (khe tiếng kêu), suối Na Ư (ruộng kêu), v.v...

- Địa danh được gọi theo thời gian, không gian liên quan đến đối tượng:

Chẳng hạn: bản Na Hôm (ruộng hôm), bản Hát Tao (khe bãi tắm), Mường Thanh (mường trời), suối Huồi Phạ (suối trời), v.v...

b) Loại dựa vào đặc điểm có quan hệ chặt chẽ với đối tượng để đặt tên, trong đó có:

- Địa danh gọi theo vị trí, phương hướng của đối tượng so với đối tượng khác. Phương thức định danh này thường gặp ở địa danh hành chính (phường, xã, bản. Chẳng hạn: phường Nam Thanh (phía Nam Mường Thanh), bản Cang (Ở giữa), bản Đình Đèo, bản Che Phai (cạnh đập nước), suối Nậm Hua (suối đầu nguồn), động Pa Thom (cửa hang động), phân khu Bắc, phân khu Nam, v.v...

- Địa danh gọi theo tên cây cối được trồng hoặc mọc nhiều tại khu vực đó. Phương thức này chiếm số lượng lớn nhất trong số những địa danh được cấu tạo theo phương thức cấu tạo mới.

Chẳng hạn: bản Xôm (cây coi), bản Co Sáng (cây tre mây sáng), bản Phiêng Bua (bãi sen), bản Ta Pô (bến cây đa), thác Bay (cây trám đen), suối Na Cọ (ruộng cây cọ) v.v...

- Địa danh gọi theo tên loài vật được nuôi hoặc xuất hiện nhiều tại khu vực đó:

Cũng như địa danh gọi theo tên cây cối, phương thức định danh này thường chỉ gặp ở địa danh hành chính với địa danh tự nhiên. Những loài vật được dùng để định danh đều là tên những loài khá đặc trưng của Tây Bắc, có loài vật có thật trong tự nhiên nhưng cũng có loài chỉ có trong tưởng tượng của người dân địa phương.

Chẳng hạn: bản Noong É (ao chim én), bản Na Thìn (ruộng con đĩn), bản Phiêng Quái (bãi thả trâu), núi Huồi Tầu (khe rùa), suối Kía (con dơi), suối Hoong Hịa (khe kì đà), nậm Mền (suối nhím), v.v...

c) Loại dựa theo biến cố lịch sử, tên dân tộc hay danh nhân có liên quan trực tiếp đến đối tượng:

Ở cả ba loại địa danh đều có địa danh được gọi theo phương thức này, trong đó địa danh nhân văn sử dụng nhiều nhất bởi ở đây có những di tích lịch sử, những cứ điểm, tượng đài, những tên đường, tên phố gắn liền với những biến cố lịch sử và những danh nhân, những anh hùng của đất nước.

Chẳng hạn: bản Tân Bình (bản mới của người Thái Bình lên Điện Biên sinh sống và lập nghiệp), thôn Trần Phú (tên danh nhân), đường Phan Đình

Giót (tên danh nhân), quốc lộ 279 (sự kiện lịch sử: đây là tuyến đường phục vụ vận chuyển quân trang, quân lực cho cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam chống lại chiến tranh xâm lược vào tháng 2 năm 1979), di tích Dân quân ở xã Thanh An bắn rơi máy bay Mỹ (sự kiện lịch sử), v.v...

d) Loại đặt theo tín ngưỡng của dân chúng trong vùng:

Phương thức định danh này chỉ gặp ở địa danh tự nhiên và địa danh nhân văn. Những địa danh này có thể được gọi tên gắn với những truyền thuyết dân gian hoặc những hoạt động tín ngưỡng của người dân trong vùng.

Chẳng hạn: núi Pú Nang Nòn (núi nàng công chúa nằm), núi Pú Tạo Nòn (núi chàng hoàng tử nằm), đồi Pom Loi (đồi khâm liệt), lễ hội Xên bản (cúng bản), lễ hội Cầu mưa v.v...

e) Loại dựa theo tâm lí, nguyện vọng của người dân:

Phương thức định danh này chỉ gặp ở tên gọi của các đơn vị như thành phố, huyện, xã, thôn, bản trong địa danh hành chính. Qua đó người dân muốn gửi gắm ước vọng về cuộc sống đẹp giàu, trong sáng, bình yên, văn minh, tiến bộ của vùng đất, thôn, bản nơi họ sinh sống.

Chẳng hạn: huyện Điện Biên (biên giới vững vàng), thôn Mỹ Hưng (đẹp giàu), bản Hưng Yên (hưng thịnh, yên ấm), thôn Văn Biên (văn minh nơi biên giới), bản Thanh Bình (trong sáng, bình yên) v.v...

g) Loại ghép các yếu tố:

Lấy một yếu tố tên vùng đất kết hợp với một yếu tố chỉ tính chất, vị trí, phương hướng..., hoặc lấy một yếu tố tên xã kết hợp với một vài yếu tố chỉ tên tính, trụ sở làm việc, bãi canh tác... để đặt tên xã, phường cũng là một phương thức được sử dụng để định danh một số địa danh trong thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên.

Chẳng hạn: vùng đất Mường Thanh: xã Thanh Minh (Mường Thanh trong sáng), xã Thanh Luông (Mường Thanh to lớn), xã Thanh Nưa (Mường Thanh trên), phường Nam Thanh (phía Nam Mường Thanh), phường Thanh Trường (Mường Thanh + Nông trường), bản Yên Mầu C 3 (xã Thanh Yên + bãi mầu + nông trường C 3) v.v...

h) Loại dùng số đếm để đặt tên:

Dùng số đếm thấy trong địa danh hành chính và nhân văn (đội, đường, quốc lộ, tổ dân phố).

Chẳng hạn: đội 7, đội 10, tổ dân phố 32, quốc lộ 12 v.v..

i) Loại hỗn hợp: dùng cả các yếu tố, chữ số, chữ cái:

Phương thức này được sử dụng với số lượng khá lớn ở cả ba loại địa danh. Ở đây các yếu tố được dùng kết hợp với các chữ số, chữ cái hoặc chỉ có các chữ số, chữ cái được dùng kết hợp với nhau. Tên gọi đó có được là do đặt theo kí hiệu đơn vị quân đội, kí hiệu của nông trường sản xuất cũ hoặc để phân biệt các địa danh có tên gọi giống nhau chỉ khác nhau vị trí hay thời gian xuất hiện trước sau do tách ra từ một địa danh gốc.

Chẳng hạn: đồi A 1 (kí hiệu quân đội), đồi D 2 (kí hiệu quân đội), cứ điểm E 1 (kí hiệu quân đội), cầu treo C 9 (kí hiệu của nông trường sản xuất cũ), bản Him Lam 1, bản Him Lam 2 v.v..

2.2.2. Phương thức chuyển hóa

Phương thức chuyển hóa là phương thức định danh bằng cách lấy tên gọi đối tượng địa lí này để gọi tên một đối tượng địa lí khác. Địa danh mới có thể giữ nguyên dạng hoặc thêm một số yếu tố mới là các danh từ chung chỉ loại hình đối tượng địa lí có liên quan so với địa danh cũ. Do vậy địa danh cũ có thể mất đi hoặc song song tồn tại với địa danh mới. Qua nghiên cứu 1004 địa danh thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên, có thể thấy phương thức này có hai dạng:

- Chuyển hóa trong nội bộ loại địa danh:

Phương thức này xuất hiện không nhiều trong cấu tạo một số địa danh thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên.

Chẳng hạn trong loại địa danh hành chính: *mường* Phăng → *bản* Mường Phăng, *mường* Pồn → *bản* Mường Pồn, *bản* Him Lam → *phường* Him Lam, *bản* Noong Bua → *phường* Noong Bua v.v..

Trong loại địa danh tự nhiên: *suối* Nậm Khẩu Hú → *núi* Pu Nậm Khẩu Hú, *suối* Nậm Nện → *núi* Pu Nậm Nện, *hồ* U Va → *núi* U Va, *suối* Huổi He → *hang* Huổi He v.v..

Trong loại địa danh nhân văn: *nhà máy thủy điện* Thác Bay → *đập tràn* Thác Bay, *nhà máy thủy điện* Thác Trắng → *đập tràn* Thác Trắng, *thành* Bản Phủ → *lễ hội* Thành Bản Phủ, *cầu* Mường Thanh → *di tích* cầu Mường Thanh, *chùa* Pá Sa → *di tích* chùa Pá Sa v.v..

- Chuyển hóa giữa các loại địa danh:

Các địa danh cấu tạo theo phương thức này chiếm số lượng khá lớn. Sự chuyển hóa diễn ra trong sáu nhóm như sau:

+ Địa danh tự nhiên chuyển hóa thành địa danh hành chính:

Chẳng hạn: *nà* Tầu (*ruộng* rùa) → *bản* Nà Tầu, *noong* Pét (*ao* vịt) → *bản* Noong Pét, *tông* Khao (*cánh đồng* trắng) → *bản* Tông Khao, *suối* Sái Lương (*suối* Cát vàng) → *bản* Sái Lương, *Pú* Sung (*núi* cao) → *bản* Pú Sung, *pom* Lót (*đồi* giỏ lõi chì) → *bản* Pom Lót, *co* cù (*cây* sấu) → *bản* Co Cù.

+ Địa danh tự nhiên chuyển hóa thành địa danh nhân văn:

Chẳng hạn: *sông* Nậm Rốm → *kênh* Nậm Rốm, *hồ* U Va → *khu khảo cổ* Hồ U Va.

+ Địa danh nhân văn chuyển hóa thành địa danh tự nhiên:

Chẳng hạn: *cửa khẩu* Tây Trang → *đèo* Tây Trang.

+ Địa danh nhân văn chuyển hóa thành địa danh hành chính:

Chẳng hạn: *thành* Bản Phủ → *bản* Phủ, *thành* Sam Mứn → *bản* Sam Mứn.

+ Địa danh hành chính chuyển hóa thành địa danh tự nhiên:

Chẳng hạn: *bản* Kéo → *đồi* Bản Kéo, *bản* Him Lam → *đồi* Him Lam.

+ Địa danh hành chính chuyển hóa thành địa danh nhân văn:

Chẳng hạn: *xã* Thanh Minh → *cổng* Thanh Minh, *bản* Hua Pe → *khu du lịch* Hua Pe.

Trong các nhóm trên, nhóm địa danh tự nhiên chuyển hóa thành địa danh hành chính có số lượng lớn nhất. Hầu hết các địa danh hành chính được chuyển hóa từ toàn bộ phức thể địa danh địa hình tự nhiên như: *nà* (*ruộng*), *huổi* (*suối*), *pú* (*núi*), *nậm* (*sông*, *nước*), *hoong* (*khe*), *co* (*cây*), *noong* (*ao*)...

Như vậy, có thể coi phương thức định danh theo lối chuyển hóa là cách thức cơ bản để đặt tên địa danh mới trên cơ sở cái cũ đã có.

2.2.3. Phương thức vay mượn.

Vay mượn là phương thức lấy tên gọi ở vùng khác, nơi khác (kể cả tên người, tên đất) để đặt tên ở địa vực cư trú của mình.

Trong 1004 địa danh khảo sát, có thể thấy có ba nhóm địa danh vay mượn như sau:

a. Mượn chất liệu ngôn ngữ dân tộc thiểu số:

Chẳng hạn: các địa danh Mường Thanh, Hồng Cúm, Hồng Khénh, Him Lam, Pa Thơm được mượn từ các tên gọi Mường Then, Hoong Cúm, Hoong Khénh, Hin Dăm, Pak Thơm trong tiếng Thái.

b. Mượn tên người: gồm tên những người nổi tiếng, những vị anh hùng dân tộc trong lịch sử, và cũng có cả tên những kẻ đi xâm lược và để lại dấu tích trên mảnh đất Điện Biên Phủ.

Chẳng hạn: Tên của những vị anh hùng của dân tộc đã được đặt cho tên đền, hầm, tên đường phố, thôn bản như : *đền* Hoàng Công Chất, *hầm* Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *thôn* Trần Phú, *đường* Bê Văn Đàn, *đường* Phan Đình Giót. Tên của những kẻ đến xâm lược mảnh đất này đã được dung để đặt cho những dấu tích mà chúng để lại như: *hầm* Đờ Cát, *hầm* Pi Rốt.

c. Mượn tên làng quê cũ: Từ sau năm 1954, đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế và sinh cơ lập nghiệp tại mảnh đất này đã mang theo tên làng cũ, quê cũ của mình để đặt tên cho vùng đất họ đến định cư. Qua đó họ không chỉ muốn gửi gắm tình yêu đối với mảnh đất chôn rau cắt rốn, nhớ quê cha đất tổ và tấm lòng luôn hướng về cội nguồn, mà cả quyết tâm xây dựng quê mới ngày càng văn minh, giàu đẹp.

Chẳng hạn: Cộng Hòa, Minh Tân là tên của hai xã của tỉnh Thái Bình đã được người dân mang theo và đặt cho tên bản mới ở Điện Biên, nơi họ sinh sống đó là bản Minh Tân, bản Cộng Hòa. Hay bản Tân Bình được gọi tên với ý chỉ bản mới của người quê ở Thái Bình.

Trong số các phương thức cấu tạo địa danh, phương thức vay mượn ít được sử dụng để cấu tạo các địa danh thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên hơn cả.

3. Một số nhận xét

- Trong ba phương thức định danh dùng để cấu tạo nên các địa danh thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên, mỗi phương thức lại gồm những nhóm nhỏ khác nhau. Điều đó cho thấy các thuộc tính được lựa chọn để đặt tên địa danh rất phong phú, đa dạng. Có những thuộc tính là đặc điểm, tính chất của chính bản thân đối tượng như đặc điểm về hình dáng, kích thước, màu sắc, tính chất, mùi vị, hoạt động, chức năng, sự vật, hiện tượng; có những thuộc tính là những đặc điểm có

quan hệ chặt chẽ với đối tượng như vị trí, phương hướng, loại cây cối, con vật nuôi; có những thuộc tính là biến cố lịch sử, tên dân tộc hay danh nhân có liên quan trực tiếp đến đối tượng; có thuộc tính là tín ngưỡng, tâm lí, nguyện vọng của người dân; có những thuộc tính là các yếu tố ghép lại, là các chữ số hay ghép hỗn hợp cả các yếu tố, chữ số, chữ cái; lại có những thuộc tính do chuyển hóa địa danh hay do vay mượn tên người, tên làng quê cũ... Chính những thuộc tính đó làm cho ý nghĩa của các địa danh thêm phong phú, đặc sắc, góp phần tạo nên cái mới, cái hay, cái riêng của một số địa danh trong thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên.

- Những đặc điểm, tính chất được lựa chọn làm phương thức định danh trên có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với địa lí, lịch sử, văn hóa tộc người ở Điện Biên. Chẳng hạn với đặc điểm nổi bật của địa hình toàn tỉnh là núi thấp dần và đổ dồn xuống các sông và suối lớn, hoặc xen kẽ với các thung lũng sông, khe suối; lọt vào giữa các dãy núi có rất nhiều dải trũng bằng phẳng tạo thành những cánh đồng hẹp kéo dài cùng với mạng lưới sông ngòi chằng chịt và hệ động thực vật phong phú. Ở thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên có rất nhiều địa danh mang yếu tố ruộng (ná, na, nà), núi (pú, pu), đồi (pom), suối (huổi), sông (nậm), khe (hoong), nguồn nước (bó), ao (noong), rừng (pá), cây (co), đá (him), bãi (phiêng)... khiến cho phương thức định danh dựa vào tên gọi các sông, suối, núi, rừng, đồi, các cây cối, con vật cùng với những đặc điểm hình dáng, tính chất, màu sắc, hoạt động của chúng là phương thức định danh cơ bản và chiếm ưu thế. Về lịch sử, Điện Biên Phủ là mảnh đất đã từng “lùng lẩy năm châu chấn động địa cầu”, biết bao anh hùng dân tộc, biết bao người con của đất nước đã ngã xuống để Điện Biên có được nền hòa bình, độc lập như ngày nay. Nhân dân Điện Biên và cả nước luôn nhớ những người anh hùng đang sống và cả những người đã khuất. Tên của họ được lưu danh cả ở những tên đường phố, trường học, tên căn hầm, ngôi đền và cả tên bản, xã, thôn, xóm. Còn về xã hội, dân cư sống đông đúc và lâu đời nhất ở Điện Biên chính là người Thái. Vì vậy các địa danh chủ yếu có nguồn gốc ngôn ngữ Thái. Sau này người Kinh lên Điện Biên sinh sống đã mang theo tiếng nói, chữ viết của mình và tiếng Kinh đã được sử dụng phổ biến trong

cộng đồng dân cư. Sự tiếp xúc hai cộng đồng dân cư Thái - Việt đã tạo nguồn cho sự tiếp xúc ngôn ngữ giữa hai dân tộc. Kết quả là trong một số địa danh thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên có nhiều địa danh có nguồn gốc Thái nhưng lại được ghi bằng tiếng Việt như địa danh Điện Biên Phủ (hay Mường Thanh) có nguồn gốc tiếng Thái là Mường Then, Him Lam có nguồn gốc tiếng Thái là Hin Dăm, Hồng Cúm có nguồn gốc tiếng Thái là Hoong Cúm...

Có thể nói, những đặc điểm nói trên đã góp phần tạo nên nét riêng, đặc sắc, độc đáo của địa danh thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên.

Tài liệu tham khảo

1. BCH Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1999), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu, tập 1 (1945 - 1975)*, Nxb CTQG, H.
2. BCH Đảng bộ huyện Điện Biên (2005), *Lịch sử Đảng bộ huyện Điện Biên, tập 1 (1950 - 2000)*, Nxb CTQG, H.
3. Hà Thị Hồng (2008), *Khảo sát địa danh hành chính tỉnh Bắc Kạn*, Luận văn Cao học, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
4. Hoàng Thị Đường (2008), *Khảo sát địa danh ở thành phố Thái Nguyên*, Luận văn Cao học, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
5. Hoàng Nghịch, Tông Kim Ân (biên soạn) (1990), *Từ điển Thái Việt*, Nxb KHXH, H.
6. Hoàng Phê (chủ biên) (2004), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, H.
7. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, H.
8. Lê Trung Hoa (2002), *Các phương pháp cơ bản trong việc nghiên cứu địa danh*. Tíc Ngôn ngữ, số 7.
9. Nguyễn Kiên Trường (1996), *Những đặc điểm chính của địa danh Hải Phòng (sơ bộ so sánh với địa danh một số vùng khác)*, Luận án phó tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học KH XH&NV, H.
10. *Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên 2007* (2007), NXB Thống kê, H.
11. Phạm Xuân Đạm (2005), *Khảo sát địa danh ở Nghệ An*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Vinh, Nghệ An.
12. Thiều Chửu (2000), *Hán Việt tự điển*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, TP. HCM.
13. Trần Lê Văn (2000), *Sông núi Điện Biên*, Hội VHNT Lai Châu, Lai Châu.
14. Từ Thu Mai (2004), *Nghiên cứu địa danh Quảng Trị*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Đại học KH XH&NV, H.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 16-07-2009)

(Tìm hiểu về địa danhtiếp theo trang 48)

Cảng Cửa Ông ra đời từ đó. Cảng Cửa Ông là một trong hai cảng lớn nhất của tỉnh (cùng với cảng Hòn Nét) xuất than ra nước ngoài. Nơi đây, nhiều con tàu mang trọng tải lớn (từ 3 đến 8 vạn tấn) có thể ra vào ăn than.

Trên địa bàn phường Cửa Ông còn có một số nơi mang tên Cửa Ông như: bến tàu Cửa Ông; xí nghiệp tuyển than Cửa Ông; trường THPT Cửa Ông; trường THCS Cửa Ông; chợ Cửa Ông; bến xe Cửa Ông...

Qua việc tìm hiểu về *Cửa Ông*, có thể khẳng định: *Cửa Ông* là địa danh đã sớm nổi tiếng bởi sự giàu đẹp của thiên nhiên, bởi truyền thống lịch sử anh hùng, bởi những di tích lịch sử và văn hoá đặc sắc. Bên cạnh đó, *Cửa Ông* hôm nay đang trên đà phát triển về mọi mặt, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư, con người *Cửa Ông* cần cù mến khách. Chính vì thế, địa danh *Cửa Ông* sẽ được nhớ mãi trong tâm trí những ai đã một lần đến với *Cửa Ông*.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Cẩm Phả - *Lịch sử Đảng bộ thị xã Cẩm Phả (1930-2005)*. Quảng Ninh. 2005.
2. Chu Thiên- Chống quân Nguyễn, *Lịch sử kháng chiến đời Trần (1257- 1288)*, H: Xây dựng. 1975.
3. *Đại Nam nhất thống chí*. Quyển XVIII/ Quốc sử quán triều Nguyễn, H: Khoa học xã hội 1969.
4. Đảng bộ xí nghiệp tuyển than Cửa Ông- *Lịch sử truyền thống phong trào công nhân xí nghiệp tuyển than Cửa Ông*, tập I (1930 - 1985), 8. 1995.
5. Đảng uỷ- uỷ ban nhân dân phường Cửa Ông- *Cửa Ông miền đất thiêng*. Quảng Ninh. 2002.
6. Tỉnh uỷ- uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh- *Địa chí Quảng Ninh*, tập1, tập 3. NXB Thế Giới. 2002.
7. Thị uỷ Cẩm Phả - *Diễn văn kỉ niệm 40 năm thành lập Đảng bộ thị xã Cẩm Phả (1960 - 2000)*.
8. Thi Sánh, *Thần đền Cửa Ông*. Quảng Ninh, 1983.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 16-07-2009)